

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/DS-PT
Ngày: 23-6-2022
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu
Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Minh V, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Số 31LT3, khu chung cư khu phố BD, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Minh V: Luật sư Nguyễn Tiến H, Văn phòng Luật sư ĐQV, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trương Thị B, sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Bà Trần Thị Diễm Ch, sinh năm 1971.

2.3. Ông Mai Văn M, sinh năm 1968.

Cùng cư trú: Ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.4. Bà Lê Thị Mỹ Th, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Ấp Tây, xã Đ, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (ông H là chồng bà Trương Thị Tr, sinh năm 1939, chết năm 2016).

Các người con của ông H, bà Tr:

3.2. Chị Võ An Tr, sinh năm 1968.

3.3. Anh Võ Sơn T, sinh năm 1975.

3.4. Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1979.

3.5. Chị Võ Hoàng O, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: ấp Tây, xã Đ, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

(Anh Võ Bá T, sinh năm 1970, con ruột bà Trương Thị Tr, chết ngày 25/5/2007, chưa có vợ con).

3.6. Anh Võ Bá T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn C, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3.7. Anh Trần Bá T, sinh năm 1969 (con của bà Trương Thị B).

Nơi cư trú: Thôn A, xã Ph, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: Tổ 7, khu Phố 4, thị trấn C, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trương Minh V; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2019, ngày 12/02/2020, ngày 18/8/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Minh V trình bày:

Cha ông V là cụ Trương Minh L, sinh năm 1915, chết ngày 04/9/1999 và mẹ là cụ Tạ Thị L, sinh năm 1920, chết ngày 03/3/2004 là chủ sử dụng các thửa đất số 176, 177. Cha mẹ ông có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không ông V không biết. Năm 1945 cha ông V thoát ly gia đình theo cách mạng chống Pháp, đến năm 1954 cha ông tập kết ra Bắc, năm 1975 đất nước thống nhất cụ L về quê ở xã Ph, huyện Cần Giuộc sinh sống. Ông Trương Minh V từ năm 1954 đi tập kết ra Bắc, đến năm 1968 về Nam chiến đấu ở tỉnh Tây Ninh và sau 30/4/1975 sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1990, ông V về hưu sống tại tỉnh Đồng Nai, ông được nhà nước cấp diện tích đất 240m² nhưng phần đất này con ông V đã bán. Hiện tại ông V đang ở giữ nhà cho người con gái tên Trương Thị Minh H, cư ngụ tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông V khẳng

định 02 thửa đất 176 và 177 có nguồn gốc của cha mẹ ông để lại, bà B cũng thừa nhận việc này được thể hiện tại văn bản khiếu nại ngày 06/4/2014 của bà Trương Thị B. Bà B có giữ 10 công đất hương hỏa của cha là cụ Trương Minh L và cậu là cụ Tạ Tấn Y. Các thửa đất số 176 và 177 của cha mẹ ông V chết để lại nên ông V được hưởng thừa kế. Năm 2000 bà B chuyển nhượng các thửa đất 176 và 177 cho ông Mai Văn M là trái với quy định của pháp luật vì bà B không phải là chủ sở hữu duy nhất của các thửa đất số 176 và 177.

Ông V khởi kiện yêu cầu: Ông Mai Văn M và bà Trương Thị B trả lại phần đất thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.396m² và thửa đất số 177, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.130m² đất trồng lúa tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bà Trương Thị B và các người con đã đứng tên giấy tờ đất thì ông V yêu cầu trả một phần giá trị đất theo giá thị trường, bà B được hưởng một phần. Theo chứng thư thẩm định giá số 198 ngày 16/6/2021 của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn Hồng Đức, giá đất 02 thửa 176 và 177 là 8.770.011.000 đồng; công trình xây dựng trên đất là 342.440.000 đồng; cây trồng trên đất là 22.670.000 đồng và đất đen san lấp là 357.648.000 đồng. Hiện trạng trên đất là đầm nuôi tôm và nhà kho của ông M và bà Ch. Cụ L và cụ L có 03 người con, bà Tr đã chết nên ông V yêu cầu bà Trương Thị B, ông Mai Văn M và bà Trần Thị Diễm Ch trả lại một phần giá trị 02 thửa đất 176 và 177 là 4.770.011.000 đồng.

Ông V đồng ý lấy trích đo địa chính số 439 và 440 ngày 16/10/2020 và giá đất của chứng thư thẩm định giá số 198 ngày 16/6/2021 của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn Hồng Đức để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với thửa đất 178, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng lúa, diện tích 1.235m² bà Trần Thị Diễm Ch đứng tên do nhận chuyển nhượng của ông Hứa Văn H. Thửa đất thổ số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 310m², loại đất thổ bà B đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Mỹ Th vào năm 2007. Ông Trương Minh V rút yêu cầu khởi kiện không đòi bà B, bà Ch, bà Th trả lại đất.

Bị đơn bà Trương Thị B trình bày tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2021 như sau:

Trước đây bà là giáo viên dạy học tại xã Ph và xã Đ, huyện Cần Giuộc. Hai thửa đất số 176 và 177 cùng tờ bản đồ số 01, loại đất lúa, có tổng diện tích là 6.376m² tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An không phải của cha mẹ bà để lại mà do Nhà nước cấp cho bà vào năm 1990 là giấy bìa trắng, đến năm 1996 bà cấp đổi thành bìa đỏ. Năm 2000, bà chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Mai Văn M là con rể của bà (anh M là chồng của chị Trần Thị Diễm Ch, con gái bà). Hiện tại Mai Văn M đang đào đầm nuôi tôm trên hai thửa đất nêu trên.

Ông Trương Minh V yêu cầu bà trả cho ông V số tiền 4.770.011.000 đồng, trị giá một phần hai của 02 thửa đất 176 và 177, nếu bà còn đứng tên đất cũng không đồng ý. Nay bà đã chuyển nhượng hai thửa đất trên cho ông Mai Văn M

đứng tên. Bà không đồng ý cùng với ông Mai Văn M trả số tiền trên cho ông V vì hai thửa đất nêu trên bà được nhà nước cấp, không phải đất của cha mẹ để lại.

Bị đơn ông Mai Văn M trình bày:

Ông Mai Văn M là con rể của bà Trương Thị B, ông M nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 176 và 177 của bà B từ năm 1998, đến năm 2000 ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tất cả các chi phí đầu tư trên 02 thửa đất 176 và 177 theo như chứng thư thẩm định giá là do ông M đầu tư, bà B chỉ chuyển nhượng đất lúa cho ông Mai Văn M. Ông M đồng ý cơ quan chuyên môn định giá 02 thửa 176 và 177, còn về việc ông V yêu cầu trả số tiền 4.770.011.000 đồng, ông Minh không đồng ý vì đây là tranh chấp giữa ông V với bà B, ông M không có liên quan.

Bị đơn bà Trần Thị Diễm Ch trình bày:

Bà Ch là con ruột của bà Trương Thị B, ông M là chồng của bà và là con rể của bà B. Trước đây ông Trương Minh L có đất đến 100 mẫu nhưng đều do người khác làm đong lúa tô. Sau hòa bình năm 1975, chính quyền địa phương mới chia lại cho bà Trương Thị B 10 công đất lúa chứ không phải đất có nguồn gốc của ông Trương Minh L và bà Tạ Thị L như ông V trình bày.

Trước năm 1998, ông Trần Bá T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 thửa 176 và 177 bà B đứng tên đem chuyển nhượng cho người khác. Lúc này bà Ch năn nỉ ông M là chồng của bà Ch mua 02 thửa đất 176 và 177 với giá là 02 chỉ vàng 01 công đất diện tích 625m², vợ chồng ông M và bà Ch giữ 02 thửa đất này đến ngày hôm nay.

Ông V yêu cầu bà B và bà Ch trả tiền, bà Ch không đồng ý. Trong trường hợp ông M không nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên thì người khác cũng mua. Hai thửa đất số 176, 177 không phải là đất của ông bà ngoại để lại cho bà B nên bà không đồng ý theo yêu cầu của ông V.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ Th trình bày:

Bà Th mua thửa đất thổ số 11, diện tích 310m² của bà B vào năm 2007, bà Th đã dỡ nhà bà B bán, làm thủ tục tách một phần cho người em Phan Thị Mỹ Ph, sinh năm 1967, ở ấp 1, xã Ph. Phần còn lại bà Th đứng tên là thửa đất số 23, bà Th đã xây nhà ở, bà Th không đồng ý trả thửa đất số 23 cho ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T trình bày:

Ông T là con của bà Trương Thị B, là anh của bà Trần Thị Diễm Ch. Theo ông T nguồn gốc 02 thửa đất 176 và 177 là của cụ Trương Minh L vì vào năm 1976, ông Chín Mật là chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc có chia cho cụ Trương Minh L 10 công đất lúa, gia đình cách mạng đi tập kết đất đai ở nhà mất hết nên được chia lại 10 công. Cụ Tạ Tấn Y là em ruột của cụ Tạ Thị L (cụ L là ngoại của ông T) đứng tên. Năm 1995 cụ Tạ Tấn Y chết, ông T cũng không biết vì sao mà bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1990. Khoảng năm 1980, ông T đi về quê vợ ở Quảng Ngãi đến năm 1993 về lại Cần Giuộc sống.

Ông T xác định 10 công đất thuộc thửa 176 và 177 có nguồn gốc của cụ Trương Minh L để lại. Giấy viết tay đề ngày 06/4/2014 khiếu nại 10 công đất hương hỏa là do bà B viết, ông T là người giữ giấy viết tay này. Bà B không đi nộp cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Cần Giuộc. Ông T có đi nhờ người khác đánh máy lại rồi đưa cho bà B ký tên, ông T giữ lại cả bản đánh máy và đưa cho ông V đi khởi kiện bà B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Bá T là con của bà Trương Thị Tr trình bày tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2021 như sau:

Nguồn gốc thửa đất 176 và 177 là của ông cố Trương Minh L để lại. Trước năm 1975, khi ông V đi tập kết ngoài miền Bắc, ông T còn đi lấy lúa tô. Thời điểm này rất nhiều đất, lúc đó ông T sống cùng bà Tr và bà ngoại là bà Tạ Thị L nên biết. Đến khoảng năm 1977, chính quyền địa phương cấp cho ông Trương Minh L 10 công đất lúa, nay là 02 thửa 176 và 177, nhưng lúc này bà B làm giáo viên cho nên ông T có phụ làm 02 thửa đất này từ một đến hai năm. Ông T không có yêu cầu hay tranh chấp phần đất thuộc 02 thửa 176 và 177.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gia đình bà Trương Thị Tr do ông Võ Văn H và các người con của bà Tr và ông H ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2021:

Ông H và các người con không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, nếu ông V thắng kiện thì ông V hưởng không ai tranh chấp, gia đình không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành nên Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 của Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 158, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 167, 168 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Minh V:

Ông Trương Minh V rút đơn khởi kiện bà Trần Thị Diễm Ch trả thửa đất số 178, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng lúa, diện tích 1.235m², đất tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ông Trương Minh V rút đơn khởi kiện bà Trương Thị B trả thừa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 310m², loại đất thổ, bà Trương Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/6/1998.

Ông Trương Minh V rút đơn khởi kiện bà Lê Thị Mỹ Th trả thừa đất số 23, tờ bản đồ số 4, diện tích 197,5m², loại đất thổ, đất tại ấp 1, xã Ph, huyện Cần Giuộc, bà Lê Thị Mỹ Th đứng tên ngày 18/10/2012.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh V đòi các bị đơn bà Trương Thị B, ông Mai Văn M, bà Trần Thị Diễm Ch trả một phần giá trị của 02 thửa đất 176 và 177 là 4.770.011.000 đồng.

Ông Mai Văn M và bà Trần Thị Diễm Ch tiếp tục sử dụng 02 thửa đất số 176 và 177 có tổng diện tích đo thực tế là 6.376m² đất lúa cùng tờ bản đồ số 01, đất tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Vị trí và diện tích phần đất theo trích đo địa chính số 439 và 440 ngày 16/10/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc; tải sản trên đất được thể hiện theo chứng thư thẩm định giá số 198 ngày 16/6/2021 của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn Hồng Đức

3. Án phí: Nguyên đơn ông Trương Minh V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2022 nguyên đơn ông Trương Minh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Cùng ngày 24/02/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T kháng cáo, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Ngày 14/3/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 26/QĐ-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 11/2022/DS-ST ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trương Minh V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V về việc buộc bà Trương Thị B, ông Mai Văn M và bà Trần Thị Diễm Ch trả ½ giá trị hai thửa đất số 176, 177, trị giá 4.770.011.000 đồng vì nguồn gốc hai thửa đất nêu trên của cha mẹ ông V là cụ Trương Minh L, sinh năm 1915, chết năm 1999 và cụ Tạ Thị L, sinh năm 1920, chết năm 2004 để lại nên ông V được hưởng một phần. Việc bà B chuyển nhượng các thửa đất số 176, 177 cho ông Mai Văn M là trái với quy định của pháp luật vì bà B không phải là chủ sở hữu duy nhất.

Luật sư Nguyễn Tiến H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Minh V trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B trình bày không thống nhất về nguồn gốc thửa đất số 176, 177. Năm 1990, khi bà B được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu giấy trắng là không phù hợp vì bà B là giáo viên, không phải là đối tượng trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Trong quá trình tố tụng, tòa án cấp sơ thẩm không xác minh nguồn gốc đất các thửa 176, 177. Bản án sơ thẩm vi phạm rất nhiều nội dung như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã nêu trong quyết định kháng nghị. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc thụ lý xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng ông V gây mất trật tự tại phiên tòa và tự ý rời khỏi phòng xử án. Đơn kháng cáo của ông V, ông T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, đối với kháng cáo của ông Trần Bá T là không phù hợp với quy định của pháp luật vì ông T kháng cáo dùm cho ông V.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị số 26/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Minh V, ông Trần Bá T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H, bà Võ An Tr, ông Võ Sơn T, bà Võ Thị Mỹ H, bà Võ Hoàng O, ông Võ Bá T đã được Tòa án tổng đạt thủ tục hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các người nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét kháng cáo của ông Trương Minh V, thấy rằng:

[3.1.1] Ông V trình bày hai thửa đất số 176, 177 có tổng diện tích đo thực tế là 6.376m², đất lúa cùng tờ bản đồ số 01, đất tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An có nguồn gốc của cụ Trương Minh L và cụ Tạ Thị L là cha mẹ ruột của ông V chết để lại. Cụ L và cụ L có tất cả 3 người con là bà Trương Thị Tr, sinh năm 1939, chết năm 2016; ông là Trương Minh V và bà Trương Thị B. Ông V tập kết ra Bắc năm 1954, đến năm 1968 về Nam chiến đấu ở tỉnh Tây Ninh. Sau 30/4/1975 ông V sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1990 ông V về hưu và sống ở tỉnh Đồng Nai cho đến nay. Do cụ L tham gia kháng chiến nên sau hòa bình được cấp 10 công đất để thờ cúng ông bà là thửa 176, 177 nhưng bà B em ông đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chuyển nhượng cho con rể là Mai Văn M làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Tuy nhiên, ông V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó cụ L chết năm 1990, cụ L chết năm 2004, trước khi chết cụ L và cụ L không ai đứng tên trong sổ đăng ký đất đai hay giấy tờ gì liên quan đến hai thửa đất số 176, 177. Trong khi đó bà Trương Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng đối với thửa đất số 176, 177, loại đất lúa và 300m² đất thổ vào năm 1990. Năm 1996, bà B được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bìa trắng sang bìa đỏ. Năm 1998 bà B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11, diện tích 310m², loại đất thổ. Như vậy, từ khi bà B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 176, 177 lần đầu năm 1990, đến năm 1996 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2000 chuyển quyền sử dụng hai thửa đất trên cho ông Mai Văn M thì cụ L và cụ L lúc còn sống cũng như ông V không khiếu nại hay tranh chấp gì. Bà B quản lý, sử dụng hai thửa đất số 176, 177 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

[3.1.2] Ông Trần Bá T (con trai bà B) trình bày nguồn gốc thửa đất số 176, 177 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc chia cho cụ L và cụ Tạ Tấn Y 10 công đất lúa. Từ khi được giao đất cho đến khi cụ L chết không có chứng cứ gì chứng minh cụ L có đi kê khai hay được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không có chứng cứ gì chứng minh cụ Tạ Tấn Y đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 176, 177.

[3.1.3] Theo Tờ chúc ngôn ngày 05/10/1994 của cụ L, cụ L tặng cho bà B: Một cái nhà tường lợp ngói 9 x 35m tại chợ Rạch Núi; 02 bộ ván gỗ; 03 tủ kiếng. Bà B được trọn quyền sử dụng thờ cúng ông bà. Tờ chúc ngôn có hai người làm chứng, được Ủy ban nhân dân xã Ph chứng thực ngày 13/10/1994. Cụ L và cụ L không đề cập đến thửa 176, 177 mà ông V tranh chấp với bà B. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu ông M, bà B và bà Ch hoàn trả ½ giá trị của hai thửa đất số 176, 177 số tiền 4.770.011.000 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông V không được chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của ông Trần Bá T thấy rằng: Ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V là không phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, kháng

cáo của ông V không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên kháng cáo của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, thấy rằng:

[3.3.1] Về xác định quyền khởi kiện và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông V khởi kiện yêu cầu bà B, ông M, bà Diễm Ch, bà Th trả lại quyền sử dụng đất các thửa đất số 23, 176, 177, 178 vì ông cho rằng các thửa đất 176, 177 có nguồn gốc của cụ L và cụ L là cha mẹ ruột của ông V và bà B chết để lại cho các con. Bà B kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà B đã chuyển nhượng cho ông M, bà Ch và bà Th làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V nên ông V có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông V là “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất” là có phần không phù hợp bởi vì ông V tranh chấp yêu cầu được chia một phần đất có nguồn gốc của cha mẹ chết để lại.

[3.3.2] Về việc xác định người tham gia tố tụng: Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trương Thị Tr, chết năm 2016 và ông Võ Bá T, chết năm 2007 với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 16 Bộ luật dân sự vì bà Tr và ông T chết trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Đối với ông Trần Bá T (con bà B) không có liên quan gì trong vụ án này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.3.3] Về phạm vi giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm tuyên ông Mai Văn M, bà Trần Thị Diễm Ch tiếp tục sử dụng hai thửa đất số 176, 177 có tổng diện tích đo thực tế là 6376m² theo trích đo địa chính số 439 và 440 ngày 16/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc, tài sản trên đất được thể hiện theo Chứng thư thẩm định giá số 198 ngày 16/6/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tư vấn Hồng Đức trong khi ông M, bà Ch không có đơn phản tố cũng như không có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vấn đề này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại đơn khởi kiện, thông báo về việc thụ lý vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông V không tranh chấp thửa đất số 11, diện tích 310m², loại đất thổ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thụ lý yêu cầu này nhưng quyết định của bản án tuyên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Minh V khởi kiện bà B trả thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 310m², loại đất thổ là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vấn đề này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.3.4] Về chi phí tố tụng: Tại đoạn 3 trang 12 của bản án nhận định ông

Trương Minh V phải chịu chi phí thẩm định giá hai thửa đất số 176 và 177 là 16.000.000 đồng nhưng phần quyết định của bản án không tuyên phần chi phí tố tụng là chưa đầy đủ từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. Vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm sẽ khắc phục trong phần quyết định của bản án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm và thiếu sót như đã nêu ở phần trên. Tuy nhiên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và cấp phúc thẩm có thể khắc phục được. Vì vậy, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần quyết định của bản án cho phù hợp.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Minh V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Bá T chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Minh V và ông Trần Bá T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 của Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 158, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 167, 168 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh V về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất” đối với các bị đơn bà Trương Thị B, ông Mai Văn M, bà Trần Thị Diễm Ch hoàn trả 1/2 giá trị của 02 thửa đất số 176 và 177, số tiền 4.770.011.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Minh V về việc yêu cầu bà Trần Thị Diễm Ch trả thửa đất số 178, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng lúa, diện tích 1.235m², đất tại ấp 3, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Minh V về việc yêu cầu bà Lê Thị Mỹ Th trả thửa đất số 23, tờ bản đồ số 4, diện tích 197,5m², loại đất thổ, đất tại ấp 1, xã Ph, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Về chi phí tố tụng là 16.000.000 đồng, ông Trương Minh V phải chịu, ông V đã nộp đủ và chi phí xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Minh V được miễn án phí do là người cao tuổi.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Minh V không phải chịu án phí.

Ông Trần Bá T phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0013072 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Cần Giuộc sang án phí.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến